

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025

## TỔ MẪU GIÁO 3 TUỔI

### A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC, NỘI DUNG GIÁO DỤC:

SỐ THỨ TỰ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC	CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN								
			T M N	B T	N N	G Đ	T V	Đ V	G T	N HT TN	QH ĐN BH
<b>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>											
<b>Phát triển vận động</b>											
<b>- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>											
1	<b>MT1.</b> Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn, <b>theo nhịp bản nhạc/ bài hát.</b> Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. Làm quen với một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, erobic theo chủ đề, bài tập thể dục tiếng anh và tham gia một số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua các hoạt động tập thể.	- Thực hiện các động tác hô hấp, tay, lưng bụng lườn, chân, bật trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.	x	x	x	x	x	*	x	x	x
<b>- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất vận động:</b>											
2	<b>MT2.</b> Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi kiễng gót	x								
		- Đi trong đường hẹp		x							
		- Đi trong đường dích dắc			x						
		- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh				x					
		- Đi kiễng gót + Ném xa bằng 1 tay						*			
		- Đi trong đường dích dắc + Ném trúng đích nằm ngang									x
		- Bước lên xuống bục cao 30 cm									
3	<b>MT3.</b> Kiểm soát được vận động	- Bật tiến về phía trước 3-4 bước	x								
		- Bật liên tục tại chỗ 3-4 lần		x							
		- Bật xa 20-25 cm				x					

		- Bật liên tục qua 3 ô					x				
		- Bật tiến phía trước 3- 4 bước + Ném trứng đích thẳng đứng							x		
		- Bật xa 20-25cm + Ném trứng đích thẳng đứng								x	
		- Bật liên tục qua 3ô + Bò chui qua cổng								x	
		- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng					x				
		- Chạy nhanh 10m + Ném trứng đích nằm ngang							*		
		- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh			x						
		- Chạy đổi hướng theo đường đích dắc								x	
		- Trườn về phía trước				x					
<b>4</b>	<b>MT4.</b> Phối hợp tay - mắt trong vận động	- Tung bóng lên cao bằng hai tay	x								
		- Tung bắt bóng với cô			x						
		- Lăn bóng và di chuyển theo bóng		x							
		- Lăn bóng với cô								x	
		- Lăn bóng trong đường đích dắc							x		
		- Ném xa bằng 1 tay					x				
		- Ném trứng đích nằm ngang					x				
		- Ném trứng đích thẳng đứng							x		
		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang						x			
		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc								*	
		- Đập bắt bóng xuống sàn 2-3 lần				x					
<b>5</b>	<b>MT5.</b> Thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bò theo hướng thẳng	x								
		- Bò chui qua cổng		x							
		- Bò theo đường đích dắc			*						
		- Bò cao						x			
		- Bò thấp					x				
<b>- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt:</b>											

6	MT6. Thực hiện được các vận động	- Gập đan các ngón tay vào nhau		x							
		- Xoay tròn cổ tay, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.		*							
7	MT7. Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động	- Đan tết		x							
		- Xếp chồng các hình khối khác nhau				x					
		- Xé, dán giấy							x		
		- Sử dụng kéo, bút									x
		- Tô vẽ nguệch ngoạc					x				
		- Vẽ được hình tròn theo mẫu						*			
		- Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm									x
		- Xếp chồng 8-10 khối không đổ					x				
- Tự cài, cởi cúc.		x									

### Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

#### - Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe:

8	MT8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Một số món ăn chế biến từ thực phẩm quen thuộc ( Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)						*			
9	MT9. Biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Kể tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	*								
10	MT10. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất đối với cơ thể trẻ		x						*	
		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật		x							

#### - Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:

11	MT11. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng		x							
		- Tập rửa tay bằng xà phòng		x							
		- Tháo tất, cởi quần, áo		x							
		- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh		*			x				
12	MT12. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách: Bát, thìa, cốc, đĩa trong gia đình, trong trường MN		x			*				

<b>- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe:</b>											
13	MT13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở. Có 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự, tự chọn món ăn khi tham dự tiệc Buffet.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe		*							
		- Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, nhặt cơm rơi vãi vào đĩa, uống nước đun sôi.	x								
		- Tự chọn món ăn khi tham dự tiệc Buffet. Ăn uống văn minh, lịch sự, ăn từ tốn, nhai kỹ, không làm rơi vãi đồ ăn.				x					
14	MT14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. Chấp nhận vệ sinh răng miệng, chăm sóc và bảo vệ mắt.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể như: Vệ sinh răng miệng, mắt rửa tay....		x							
		- Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		x							
		- Nhận biết trang phục theo thời tiết như: Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.								x	
		- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.			*						
<b>- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh:</b>											
15	MT15. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, đến tính mạng như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.				*					
16	MT16. Biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Tránh một số nơi nguy hiểm như: Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi, đường tàu, ngã tư đường						x	*	x	
17	MT17. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.					x				
		- Không tự lấy thuốc uống			x						
		- Không leo trèo bàn	x								

		ghế, lan can									
		- Không nghịch các vật sắc nhọn.				X					
		- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp	X								
		- Nhận ra một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ							*		
		- Không lại gần cây đổ, cột điện đổ khi mưa bão	X								

## GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

### Khám phá khoa học

#### - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng:

18	MT18. Biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, thời tiết, bầu trời hay đặt câu hỏi về đối tượng.								X	
		- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của, con vật, cây, hoa, quả, quen thuộc.				X	*		X		
19	MT19. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể		X							
		- Nhìn, nghe, ngửi, sờ để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng như: hoa, quả, PTGT				X		*			
20	MT20. Làm thí nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi thông qua thực hành một số thí nghiệm có ứng dụng phương pháp Steam	- Làm thử nghiệm vật chìm nổi, chất tan không tan trong nước, pha màu, gieo hạt.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.								*	
21	MT21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng		X	X						*
22	MT22. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại cây, hoa, quả, đồ dùng theo 1 dấu hiệu				X	*				

<b>- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản:</b>											
23	MT23. Nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.					X	X			
		- Ích lợi của nước đối với con người, con vật, cây cối.					X	X		X	
		- Một số nguồn nước nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày									*
		- Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh, gió bão và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ								X	
<b>- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau:</b>											
24	MT24. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp, gia đình.	X				X				
		- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc								X	
		- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi					*	X			
		- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm									X
25	MT25. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình về các sự vật, hiện tượng.								X	
		- Hát một số bài hát về các sự vật hiện tượng.								*	
<b>Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>											
<b>- Nhận biết số đếm, số lượng:</b>											
26	MT26. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- 1 và nhiều	*								
27	MT27. Đếm được trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có số lượng 2					*				
		- Đếm đến 3, nhận biết các nhóm có số lượng 3						X			

		- Đếm đến 4, nhận biết các nhóm có số lượng 4							X		
		- Đếm đến 5, nhận biết các nhóm có số lượng 5								X	
28	MT28. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3						*			
		- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4							X		
		- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5									X
29	MT29. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 2					X				
		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 3						X			
		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4								X	
		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5									*
30	MT30. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách nhóm có số lượng 2 thành hai phần					X				
		- Tách nhóm có số lượng 3 thành hai phần							*		
		- Tách nhóm có số lượng 4 thành hai phần								X	
		- Tách nhóm có số lượng 5 thành hai phần									X
<b>- Sắp xếp theo quy tắc:</b>											
31	MT31. Nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1:1					X				
		- Ghép đôi					X				
		- Xếp xen kẽ 2 đối tượng						*			
<b>- So sánh hai đối tượng:</b>											
32	MT32. So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau.	- So sánh to - nhỏ của 2 đối tượng			X						
		- So sánh chiều dài của 2 đối tượng			X						
		- So sánh chiều cao của 2 đối tượng			*						

<b>- Nhận biết hình dạng:</b>										
33	MT33. Nhận dạng và gọi được tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên hình vuông, hình tròn nhận dạng hình trong thực tế	x							
		- Nhận biết, gọi tên hình tam giác, hình chữ nhật nhận dạng hình trong thực tế	*							
<b>- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian:</b>										
34	MT34. Sử dụng lời nói và hàng động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân		x						
		- Nhận biết phía trên - phía dưới của bản thân		x						
		- Nhận biết phía trước - phía sau của bản thân		*						
<b>Khám phá xã hội</b>										
<b>- Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng:</b>										
35	MT35. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân		*						
36	MT36. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình				*				
37	MT37. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ của gia đình				*				
38	MT38. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo	x		x					
		- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	*							
<b>- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:</b>										
39	MT39. Kể được tên và nói được sản phẩm của một số nghề và nghề truyền thống của địa phương khi được hỏi, xem tranh, thăm quan làng nghề, các hoạt động trải nghiệm...	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.			*					
		- Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề truyền thống địa phương: Nghề giầy da, nghề trồng rau...			x					x
<b>- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</b>										
40	MT40. Kể tên và 1 số hoạt động, ý nghĩa của	- Ngày hội đèn trường - Tết trung Thu.	x							

	một số lễ, hội qua trò chuyện, tranh ảnh, các hoạt động thăm quan, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/ 10		x								
		- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/ 11			x							
		- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12				x						
		- Ngày Tết Nguyên Đán					x					
		- Quốc tế phụ nữ 8/ 3							x			
		- Giỗ tổ Hùng Vương									x	
		- Giải phóng miền Nam									x	
		- Quốc tế lao động									x	
		- Sinh nhật Bác Hồ 19/ 5										*
<b>41</b>	<b>MT41.</b> Kể được tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, lễ hội của địa phương										*

## GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

### - Nghe và hiểu lời nói:

<b>42</b>	<b>MT42.</b> Thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản									*	
		- Nghe số từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh							x			
<b>43</b>	<b>MT43.</b> Hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.			*							x
<b>44</b>	<b>MT44.</b> Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng						x				
		- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	*	x	x	x	x	x

### - Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày:

<b>45</b>	<b>MT45.</b> Nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt	*									
<b>46</b>	<b>MT46.</b> Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ			x				x	*		
		- Nhắc lại từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động rất đơn giản, quen thuộc					x			x		

		<b>bằng tiếng Anh</b>										
47	MT47. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng				X						
		- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?", "Cái gì?", " Ở đâu?", " Khi nào?"..				*						
48	MT48. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc		*								
49	MT49. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	*
50	MT50. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe		X	X	X	X	X	X	X	*	X
51	MT51. Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.										*
52	MT52. Sử dụng được các từ: "Vâng ạ", "Dạ", "Thưa" trong giao tiếp hàng ngày đúng lúc, đúng hoàn cảnh và nói bằng tiếng Anh	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	*									
53	MT53. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		*								

**- Làm quen với việc đọc – viết:**

54	MT54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện.			X								
		- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.						X					
		- Làm quen với cách đọc, hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu		X	X	X	X	X	X				
		- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và nghe đọc truyện.							*				
		- Giữ gìn sách			X								
55	MT55. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật, con vật, đồ vật, màu sắc ..., ký hiệu thông	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống( nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm,								*			

	thường bằng tiếng Anh.	biên giao thông, đường cho người đi bộ...)										
		- Làm quen với một số biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh							X			
56	MT56. Thích được vẽ "viết" nguệch ngoạc	- Làm quen với cách viết: Hướng viết của các nét chữ, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới	X		X	X		X	X	*	X	
		- Tô màu được ký hiệu, chữ cái tiếng Anh			X	X		X	X	X	X	

## GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

### - Thể hiện ý thức về bản thân:

57	MT57. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính		*								
58	MT58. Nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.		*								

### - Thể hiện sự tự tin, tự lực:

59	MT59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tích cực, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động khi trả lời câu hỏi trong các hoạt động hằng ngày.			X		X	X	X	*	X	
60	MT60. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Giúp cô một số công việc vừa sức: Chia vở, cất ghế, lau dọn đồ chơi.	X		X	X	*	X	X	X	X	

### - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

61	MT61. Nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc( Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.		*								
62	MT62. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. Thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác qua lời nói, cử chỉ, hành động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.		*								
63	MT63. Nhận ra được hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	*
64	MT64. Thích được nghe kể chuyện, nghe hát,	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem										X



	hát, bản nhạc bằng tiếng Anh. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.											
73	MT73. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình	- Chỉ, sờ, ngắm nhìn, vui sướng và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình			*							X
<b>- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:</b>												
74	MT74. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát, quen thuộc	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	X	X		X	X				*	
		- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.			X			X	X			X
75	MT75. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	X					X	X			X
		- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp			*		X					
76	MT76. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	*		X			X				X
77	MT77. Vẽ được các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản					X	*	X	X		
78	MT78. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản						X	*	X	X	X
79	MT79. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.			X		*					
80	MT80. Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cầu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cầu trúc đơn giản				*						
81	MT81. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.			X		X	X	*			X
<b>- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc, tạo hình:</b>												
82	MT82. Vận động theo ý thích các bài hát, bản	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát,		X		*		X			X	

	nhạc quen thuộc	bản nhạc quen thuộc										
<b>83</b>	<b>MT83.</b> Tạo ra được các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	x	*	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>84</b>	<b>MT84.</b> Đặt được tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình				x	x	x	x	x	x	*
<b>TỔNG SỐ MỤC TIÊU CHO TỪNG CHỦ ĐỀ</b>			<b>33</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>33</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>34</b>

*Hoàng Diệu, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

**NGƯỜI DUYỆT KẾ HOẠCH  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
( Ký, ghi rõ họ và tên )

**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH  
TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  
( Ký, ghi rõ họ và tên )

**Phạm Thị Hạnh**

**DỰ KIẾN PHIÊN CHẾ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ TRẺ MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI**

<b>Chủ đề</b>	<b>Giáo dục phát triển thể chất</b>	<b>Giáo dục phát triển nhận thức</b>	<b>Giáo dục phát triển ngôn ngữ</b>	<b>Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội</b>	<b>Giáo dục phát triển thẩm mỹ</b>
Trường Mầm Non	MT9, MT11	MT26, MT33, MT38	MT45, MT52	MT66, MT67	MT76
Bản Thân	MT6, MT13	MT34, MT35	MT48, MT53	MT57, MT58, MT61, MT62	MT83
Nghề Nghiệp	MT5, MT14	MT32, MT39	MT43	MT70	MT73, MT75
Gia Đình	MT12, MT15	MT31, MT36, MT37	MT47	MT65	MT80, MT82
Thực Vật	MT2, MT7	MT22, MT24	MT44	MT60	MT71, MT79
Động Vật	MT1, MT8	MT18, MT27, MT28	MT54	MT69	MT72, MT77
Giao Thông	MT3, MT17	MT19, MT30	MT42, MT46, MT55	MT68	MT78, MT81
Nước và Một Số Hiện Tượng Tự Nhiên	MT10, MT16	MT20, MT23, MT25	MT50, MT56	MT59	MT74
Quê Hương - Đất Nước - Bác Hồ	MT4	MT21, MT29, MT40, MT41	MT49, MT51	MT63, MT64	MT84

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI**  
**TRƯỜNG MN HOÀNG DIỆU**

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục	Chủ đề thực hiện							
			Trường Mầm Non	Bản Thân	Nghề Nghiệp	Gia Đình	Thực Vật	Động Vật	Giao Thông	Nước và Một Số Hiện Tượng Tự Nhiên
<b>I. Giáo dục phát triển thể chất</b>										
<b>a) Phát triển vận động</b>										
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>										
MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn, theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. Làm quen với một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, erobic theo chủ đề, bài tập thể dục tiếng anh và tham gia một số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua các hoạt động tập thể.	- Thực hiện các động tác hô hấp, tay, lưng bụng lườn, chân, bật trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động</b>										
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Đi kiễng gót	✓							
		- Đi trong đường hẹp		✓						
		- Đi trong đường dích dắc			✓					

		- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh				✓					
		- Đi kiễng gót + Ném xa bằng 1 tay					✓				
		- Đi trong đường dích dắc + Ném trúng đích nằm ngang								✓	
		- Bước lên xuống bậc cao 30 cm									✓
MT3	2.2. Kiểm soát được vận động:	- Bước tiến về phía trước 3-4 bước	✓								
		- Bước liên tục tại chỗ 3-4 lần		✓							
		- Bước xa 20-25 cm				✓					
		- Bước liên tục qua 3 ô					✓				
		- Bước tiến phía trước 3- 4 bước + Ném trúng đích thẳng đứng							✓		
		- Bước xa 20-25cm + Ném trúng đích thẳng đứng								✓	
		- Bước liên tục qua 3ô + Bò chui qua cổng								✓	
		- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng							✓		
		- Chạy nhanh 10m + Ném trúng đích nằm ngang								✓	
		- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh			✓						
		- Chạy đổi hướng theo đường dích dắc									✓
		- Trườn về phía trước				✓					
MT4	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:	- Tung bóng lên cao bằng hai tay	✓								
		- Lăn bóng trong đường dích dắc							✓		
		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc									✓

		- Đập bắt bóng xuống sàn 2-3 lần				✓					
		- Tung bắt bóng với cô			✓						
		- Lăn bóng và di chuyển theo bóng		✓							
		- Lăn bóng với cô								✓	
		- Ném xa bằng 1 tay						✓			
		- Ném trúng đích nằm ngang					✓				
		- Ném trúng đích thẳng đứng							✓		
		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang						✓			
MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bò theo hướng thẳng	✓								
		- Bò chui qua cổng		✓							
		- Bò theo đường dích dắc			✓						
		- Bò cao						✓			
		- Bò thấp					✓				
<b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</b>											
MT6	3.1. Thực hiện được các vận động	- Gập đan các ngón tay vào nhau		✓							
		- Xoay tròn cổ tay, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.		✓							
MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Đan tết		✓							
		Xếp chồng các hình khối khác nhau				✓					
		- Xé, dán giấy							✓		
		Sử dụng kéo, bút									✓
		Tô vẽ nguệch ngoạc					✓				
		Vẽ được hình tròn theo mẫu					✓				
		Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm									✓
		Xếp chồng 8-10 khối không đồ				✓					

		Tự cài, cời cúc		✓							
<b>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>											
<b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</b>											
MT8	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh	- Một số món ăn chế biến từ thực phẩm quen thuộc ( Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)						✓			
MT9	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày	- Kể tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	✓								
MT10	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất đối với cơ thể trẻ		✓						✓	
		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật		✓							
<b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</b>											
MT11	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng		✓							
		- Tập rửa tay bằng xà phòng	✓								
		- Tháo tất, cởi quần, áo		✓							
		- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	✓			✓					
MT12	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách: Bát, thìa, cốc, đĩa...trong gia đình, trong trường mầm non	✓				✓				
<b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</b>											
MT13	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở. Có 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự, tự chọn món ăn khi tham dự tiệc Buffet.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe		✓							
		- Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, nhặt cơm rơi vãi vào đĩa, uống nước đun sôi.	✓								
		- Tự chọn món ăn khi tham dự tiệc Buffet. Ăn uống văn minh, lịch sự,				✓					

		ăn từ tốn, nhai kỹ, không làm rơi vãi đồ ăn.											
MT14	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. Chấp nhận vệ sinh răng miệng, chăm sóc và bảo vệ mắt.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể như: Vệ sinh răng miệng, mắt rửa tay....	✓										
		- Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	✓										
		- Nhận biết trang phục theo thời tiết như: Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.								✓			
		- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.			✓								
<b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</b>													
MT15	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, đến tính mạng như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.				✓							
MT16	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Tránh một số nơi nguy hiểm như: Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hồ vôi, đường tàu, ngã tư đường							✓	✓	✓		
MT17	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.				✓							
		- Không tự lấy thuốc uống			✓								
		- Không leo trèo bàn ghế, lan can	✓										
		- Không nghịch các vật sắc nhọn.				✓							
		- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp	✓										

		- Nhận ra một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ								✓		
		- Không lại gần cây đổ, cột điện đổ khi mưa bão	✓									
<b>5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</b>												
<b>II. Giáo dục phát triển nhận thức</b>												
<b>a) Khám phá khoa học</b>												
<b>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</b>												
MT18	1.1. Biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi	- Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, thời tiết, bầu trời hay đặt câu hỏi về đối tượng.									✓	
		- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của, con vật, cây, hoa, quả, quen thuộc.				✓	✓			✓		
MT19	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể		✓								
		- Nhìn, nghe, ngửi, sờ để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng như: hoa, quả, phương tiện giao thông					✓			✓		
MT20	1.3. Làm thí nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi thông qua thực hành một số thí nghiệm có ứng dụng phương pháp Steam	- Làm thử nghiệm vật chìm nổi, chất tan không tan trong nước, pha màu, gieo hạt.	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		- Một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.									✓	
MT21	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng		✓	✓							✓
MT22	1.5. Phân loại các đối tượng theo	- Phân loại cây, hoa, quả, đồ dùng				✓	✓					

	một dấu hiệu nổi bật.	theo 1 dấu hiệu												
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</b>														
MT23	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.						✓	✓					
		- Ích lợi của nước đối với con người, con vật, cây						✓	✓		✓			
		- Một số nguồn nước nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày										✓		
		- Hiện tượng nắng mưa, lóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ											✓	
<b>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</b>														
MT24	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp, gia đình.	✓				✓							
		- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc									✓			
		- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi						✓	✓					
		- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm										✓		
MT25	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình về các sự vật, hiện tượng.										✓		
		- Hát một số bài hát về các sự vật hiện tượng.										✓		
<b>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>														
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng</b>														
MT26	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng,	- 1 và nhiều	✓											

	đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.											
MT27	1.2. Đếm được trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có số lượng 2					✓					
		- Đếm đến 3, nhận biết các nhóm có số lượng 3						✓				
		- Đếm đến 4, nhận biết các nhóm có số lượng 4							✓			
		- Đếm đến 5, nhận biết các nhóm có số lượng 5								✓		
MT28	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3						✓				
		- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4							✓			
		- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5									✓	
MT29	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 2					✓					
		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 3						✓				
		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4								✓		
		- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5									✓	
MT30	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách nhóm có số lượng 2 thành hai phần					✓					
		- Tách nhóm có số lượng 3 thành hai phần							✓			
		- Tách nhóm có số lượng 4 thành hai phần								✓		



	chuyện.										
MT36	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình				✓					
MT37	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ của gia đình				✓					
MT38	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo	✓		✓						
		- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.									
<b>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</b>											
MT39	2. Kể được tên và nói được sản phẩm của một số nghề và nghề truyền thống của địa phương khi được hỏi, xem tranh, thăm quan làng nghề, các hoạt động trải nghiệm...	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.				✓					
		- Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề truyền thống địa phương: Nghề giầy da, nghề trồng rau				✓					✓
<b>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</b>											
MT40	3.1. Kể tên và 1 số hoạt động, ý nghĩa của một số lễ, hội qua trò chuyện, tranh ảnh, các hoạt động thăm quan, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể	- Ngày hội đến trường	✓								
		- Tết trung Thu.									
		- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/ 10		✓							
		- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/ 11			✓						
		- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12				✓					
		- Ngày Tết Nguyên Đán					✓				
		- Quốc tế phụ nữ 8/ 3							✓		
		- Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3								✓	
	- Ngày giải phóng miền nam 30/4								✓		
	- Ngày Quốc tế lao động 1/5								✓		



		đơn, câu đơn mở rộng											
		- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?", "Cái gì?", " Ở đâu?", " Khi nào?"..				✓							
MT48	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc		✓									
MT49	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
MT50	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
MT51	2.7. Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.										✓	
MT52	2.8. Sử dụng được các từ:"Vâng ạ","Dạ","Thưa" trong giao tiếp hàng ngày đúng lúc, đúng hoàn cảnh và nói bằng tiếng Anh	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	✓										
MT53	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		✓									
<b>3. Làm quen với đọc, viết</b>													
MT54	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện.			✓								
		- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.						✓					
		- Làm quen với cách đọc, hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu		✓	✓	✓	✓	✓	✓				
		- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và nghe đọc truyện.						✓					

		- Giữ gìn sách			✓						
MT55	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật, con vật, đồ vật, màu sắc ..., ký hiệu thông thường bằng tiếng Anh	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống( nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, biển giao thông, đường cho người đi bộ...)							✓		
		- Làm quen với một số biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh							✓		
MT56	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách viết: Hướng viết của các nét chữ, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓
		- Tô màu được ký hiệu, chữ cái tiếng Anh			✓	✓		✓	✓	✓	✓

#### IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

##### 1. Thể hiện ý thức về bản thân

MT57	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính			✓						
MT58	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.			✓						

##### 2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT59	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tích cực, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động khi trả lời câu hỏi trong các hoạt động hằng ngày.			✓		✓	✓	✓	✓	✓
MT60	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Giúp cô một số công việc vừa sức: Chia vở, cắt ghế, lau dọn đồ chơi.	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

##### 3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

MT61	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc( Vui, buồn, sợ hãi, tức giận)			✓						
------	--	---	--	--	---	--	--	--	--	--	--

		qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.									
MT62	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. Thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác qua lời nói, cử chỉ, hành động	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.		✓							
MT63	3.3. Nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
MT64	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ									✓
		- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước									✓
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>											
MT65	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)	✓				✓				
		- Yêu mến bố mẹ, anh, chị em ruột					✓				
		- Nhận biết hành vi “đúng - sai”, “tốt - xấu”	✓				✓				
		- Tiết kiệm điện, nước	✓				✓				
MT66	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép( Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi)	✓								
MT67	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt	✓								
MT68	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn trong các trò chơi, các góc chơi	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>											
MT69	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối					✓	✓			
MT70	5.2. Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	✓		✓	✓			✓	✓	✓

## V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

### 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT71	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.			✓		✓			✓	
MT72	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích thú và hưởng ứng khi được nghe các bài hát, bản nhạc bằng tiếng Anh. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe, hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	✓	✓			✓	✓	✓	✓	
MT73	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình	- Chỉ, sờ, ngắm nhìn, vui sướng và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình			✓						✓

### 2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

MT74	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	✓	✓		✓	✓			✓	
		- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.			✓			✓	✓		✓
MT75	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	✓					✓	✓		✓
		- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp			✓		✓				
MT76	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	✓		✓			✓			✓

	ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản					✓	✓	✓	✓	
MT78	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản						✓	✓	✓	✓
MT79	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.			✓		✓				
MT80	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản				✓					
MT81	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.			✓		✓	✓	✓		✓
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</b>											
MT82	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc		✓		✓		✓		✓	
MT83	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
MT84	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình				✓	✓	✓	✓	✓	✓
<b>Các hoạt động không phục vụ mục tiêu</b>											

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI**  
**TRƯỜNG MN HOÀNG DIỆU**

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Chủ đề thực hiện									Nội dung – Hoạt động giáo dục
			Trường Mầm Non	Bản Thân	Nghề Nghiệp	Gia Đình	Thực Vật	Động Vật	Giao Thông	Nước và Một Số Hiện Tượng Tự Nhiên	Quê Hương - Đất Nước - Bác Hồ	
<b>I. Giáo dục phát triển thể chất</b>												
<b>a) Phát triển vận động</b>												
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>												
1	MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn, theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. Làm quen với một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, erobic theo chủ đề, bài tập thể dục tiếng anh và tham gia một số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua các hoạt động tập thể.	✓	✓	✓	✓	✓	☆	✓	✓	✓	- Thực hiện các động tác hô hấp, tay, lưng bụng lườn, chân, bật trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.
<b>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</b>												
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	✓	✓	✓	✓	☆			✓	✓	- Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động:	✓	✓	✓	✓	✓	✓	☆	✓	✓	- Đi trong đường đích dắc

4	MT4	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	☆	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>- Đi kiễng gót + Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Đi trong đường dích dắc + Ném trúng đích nằm ngang</li> <li>- Bước lên xuống bậc cao 30 cm</li> <li>- Bước tiến về phía trước 3-4 bước</li> <li>- Bước liên tục tại chỗ 3-4 lần</li> <li>- Bước xa 20-25 cm</li> <li>- Bước liên tục qua 3 ô</li> <li>- Bước tiến phía trước 3- 4 bước + Ném trúng đích thẳng đứng</li> <li>- Bước xa 20-25cm + Ném trúng đích thẳng đứng</li> <li>- Bước liên tục qua 3ô + Bò chui qua cổng</li> <li>- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng</li> <li>- Chạy nhanh 10m + Ném trúng đích nằm ngang</li> <li>- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>- Chạy đổi hướng theo đường dích dắc</li> <li>- Trườn về phía trước</li> <li>- Tung bóng lên cao bằng hai tay</li> <li>- Lăn bóng trong đường dích dắc</li> <li>- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc</li> <li>- Đập bắt bóng xuống sàn 2-3 lần</li> <li>- Tung bắt bóng với cô</li> <li>- Lăn bóng và di chuyển theo</li> </ul>
5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	✓	✓	☆			✓	✓			

												bóng - Lăn bóng với cô - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích nằm ngang - Ném trúng đích thẳng đứng - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang - Bò theo hướng thẳng - Bò chui qua cổng - Bò theo đường đích đặc - Bò cao - Bò thấp
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

### 3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt

6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động		☆								- Gập đan các ngón tay vào nhau - Đan tết Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy Sử dụng kéo, bút Tô vẽ nguệch ngoạc Vẽ được hình tròn theo mẫu Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm Xếp chồng 8-10 khối không đổ Tự cài, cởi cúc - Xoay tròn cổ tay, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động		✓		✓	☆		✓		✓	

### b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

#### 1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

8	MT8	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh						☆				- Một số món ăn chế biến từ thực phẩm quen thuộc ( Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
9	MT9	1.2. Biết tên một số món ăn	☆									- Kể tên một số món ăn hằng

		hàng ngày										ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...
10	MT10	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		✓							☆	- Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất đối với cơ thể trẻ - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật
<b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</b>												
11	MT11	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	☆	✓		✓						- Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tháo tất, cởi quần, áo - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
12	MT12	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	✓			☆						- Sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách: Bát, thìa, cốc, đĩa...trong gia đình, trong trường mầm non
<b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</b>												
13	MT13	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở. Có 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự, tự chọn món ăn khi tham dự tiệc Buffet.	✓	☆		✓						- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, nhặt cơm rơi vãi vào đĩa, uống nước đun sôi.
14	MT14	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. Chấp nhận vệ sinh răng miệng, chăm sóc và bảo vệ mắt.		✓		☆					✓	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể như: Vệ sinh răng miệng, mắt rửa tay.... - Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết như: Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Tự chọn món ăn khi tham dự

												tiệc Buffet. Ăn uống văn minh, lịch sự, ăn từ tốn, nhai kỹ, không làm rơi vãi đồ ăn. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

**4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh**

15	MT15	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.				☆						- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, đến tính mạng như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.
16	MT16	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.							✓	☆	✓	- Tránh một số nơi nguy hiểm như: Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hồ vôi, đường tàu, ngã tư đường
17	MT17	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	✓		✓	✓	✓		☆			- Không cưỡi đuà trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp - Nhận ra một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Không lại gần cây đổ, cột điện đổ khi mưa bão

**II. Giáo dục phát triển nhận thức**

**a) Khám phá khoa học**

**1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng**

18	MT18	1.1. Biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần					✓	☆		✓		- Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, thời tiết, bầu trời hay đất
----	------	---	--	--	--	--	---	---	--	---	--	---



### 3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

24	MT24	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	✓			✓	☆	✓	✓	✓		- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong trường, lớp, gia đình.
25	MT25	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình								☆		- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Tạo ra các sản phẩm tạo hình về các sự vật, hiện tượng. - Hát một số bài hát về các sự vật hiện tượng.

### b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

#### 1. Nhận biết số đếm, số lượng

26	MT26	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	☆									- 1 và nhiều - Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có số lượng 2 - Đếm đến 3, nhận biết các nhóm có số lượng 3
27	MT27	1.2. Đếm được trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.				✓	☆	✓	✓			- Đếm đến 4, nhận biết các nhóm có số lượng 4 - Đếm đến 5, nhận biết các nhóm có số lượng 5
28	MT28	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.					☆	✓		✓		- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4
29	MT29	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.				✓	✓		✓	☆		- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5

30	MT30	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.										<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 2</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 3</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5</li> <li>- Tách nhóm có số lượng 2 thành hai phần</li> <li>- Tách nhóm có số lượng 3 thành hai phần</li> <li>- Tách nhóm có số lượng 4 thành hai phần</li> <li>- Tách nhóm có số lượng 5 thành hai phần</li> </ul>
----	------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

## 2. Sắp xếp theo qui tắc

31	MT31	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.					☆					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp tương ứng 1:1</li> <li>- Ghép đôi</li> <li>- Xếp xen kẽ 2 đối tượng</li> </ul>
----	------	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	---

## 3. So sánh hai đối tượng

32	MT32	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.					☆					<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh to - nhỏ của 2 đối tượng</li> <li>- So sánh chiều dài của 2 đối tượng</li> <li>- So sánh chiều cao của 2 đối tượng</li> </ul>
----	------	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

## 4. Nhận biết hình dạng

33	MT33	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	☆									<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết, gọi tên hình vuông, hình tròn nhận dạng hình trong thực tế</li> <li>- Nhận biết, gọi tên hình tam</li> </ul>
----	------	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--



40	MT40	3.1. Kể tên và 1 số hoạt động, ý nghĩa của một số lễ, hội qua trò chuyện, tranh ảnh, các hoạt động thăm quan, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	☆	- Ngày hội đến trường - Tết trung Thu. - Ngày phụ nữ Việt Nam 20/ 10 - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/ 11 - Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12
41	MT41	3.2. Kể được tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.									☆	- Ngày Tết Nguyên Đán - Quốc tế phụ nữ 8/ 3 - Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 - Ngày giải phóng miền nam 30/4 - Cờ tổ quốc, tên di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, lễ hội của địa phương - Ngày Quốc tế lao động 1/5 - Sinh nhật Bác Hồ 19/ 5

### III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

#### 1. Nghe hiểu lời nói

42	MT42	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản							☆			- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản
43	MT43	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi			☆					✓		- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
44	MT44	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	✓	✓	✓	✓	☆	✓	✓	✓	✓	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe số từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày												
45	MT45	2.1. Nói rõ các tiếng.	☆									- Phát âm các tiếng của tiếng Việt
46	MT46	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...			✓	✓		✓	☆			- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
47	MT47	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.					☆					- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng
48	MT48	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.		☆								- Kể lại sự việc - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
49	MT49	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	☆	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
50	MT50	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.		✓	✓	✓	✓	✓	✓	☆	✓	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
51	MT51	2.7. Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.									☆	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
52	MT52	2.8. Sử dụng được các từ: "Vâng ạ", "Dạ", "Thưa" trong giao tiếp hàng ngày đúng lúc, đúng hoàn cảnh và nói bằng tiếng Anh	☆									- Nhắc lại từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh
53	MT53	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.		☆								- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?", "Cái gì?", " Ở đâu?", " Khi nào?"..

### 3. Làm quen với đọc, viết

54	MT54	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.		✓	✓	✓	✓	☆	✓			- Tiếp xúc với sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
55	MT55	3.2. Nhìn vào tranh minh họa							☆			- Làm quen với cách đọc, hướng

		và gọi tên nhân vật, con vật, đồ vật, màu sắc ..., ký hiệu thông thường bằng tiếng Anh										đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
56	MT56	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	✓		✓	✓		✓	✓	☆	✓	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và nghe đọc truyện.</li> <li>- Giữ gìn sách</li> <li>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống( nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, biển giao thông, đường cho người đi bộ...)</li> <li>- Làm quen với cách viết: Hướng viết của các nét chữ, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới</li> <li>- Làm quen với một số biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</li> <li>- Tô màu được ký hiệu, chữ cái tiếng Anh</li> </ul>

#### IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

##### 1. Thể hiện ý thức về bản thân

57	MT57	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.		☆								- Tên, tuổi, giới tính
58	MT58	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.		☆								- Những điều bé thích, không thích.

##### 2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

59	MT59	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.			✓		✓	✓	✓	☆	✓	- Tích cực, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động khi trả lời câu hỏi trong các hoạt động hằng ngày.
60	MT60	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	✓		✓	✓	☆	✓	✓	✓	✓	- Giúp cô một số công việc vừa



		thiên nhiên và chăm sóc cây.										cối
70	MT70	5.2. Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	✓		☆	✓			✓	✓	✓	- Giữ gìn vệ sinh môi trường

## V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

### 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

71	MT71	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.			✓					☆	✓	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
72	MT72	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích thú và hưởng ứng khi được nghe các bài hát, bản nhạc bằng tiếng Anh. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	✓	✓						☆	✓	✓	- Nghe, hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. - Chỉ, sờ, ngắm nhìn, vui sướng và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình
73	MT73	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình								☆		✓	

### 2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

74	MT74	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	☆	✓	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
75	MT75	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	✓			☆		✓	✓	✓		✓	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
76	MT76	2.3. Sử dụng các nguyên vật	☆		✓			✓				✓	

		liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.										- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
77	MT77	2.4. Vẽ được các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản					✓	☆	✓	✓		- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
78	MT78	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.						✓	☆	✓	✓	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản
79	MT79	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.			✓			☆				- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
80	MT80	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.						☆				- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
81	MT81	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.			✓		✓	✓	☆		✓	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</b>												
82	MT82	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		✓				☆		✓	✓	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích
83	MT83	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	✓		☆	✓	✓	✓	✓	✓	✓	Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc
84	MT84	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.					✓	✓	✓	✓	✓	☆ - Đặt tên cho sản phẩm của mình
<b>Các hoạt động không phục vụ mục tiêu</b>												